

QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Số/No. 669/2026/TBNV-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔIANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 07/05/2026
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	6,100	4.72%
2	BID	400	0.55%
3	CTG	2,000	2.38%
4	EIB	2,100	1.55%
5	HCM	800	0.76%
6	HDB	8,900	7.94%
7	LPB	1,200	1.99%
8	MBB	12,200	10.65%
9	MSB	1,600	0.68%
10	NAB	100	0.05%
11	OCB	100	0.04%
12	SHB	18,700	8.84%
13	SSB	300	0.17%
14	SSI	7,600	7.26%
15	STB	4,600	10.62%
16	TCB	11,500	13.07%
17	TPB	1,700	0.93%
18	VCB	1,500	3.04%
19	VCI	1,300	1.15%
20	VIB	1,600	0.87%
21	VIX	10,100	5.96%
22	VND	2,000	1.12%
23	VPB	15,300	14.36%



I	Chứng khoán/Stock	2,944,315,000	98.70%
II	Tiền/Cash(VND)	38,931,248	1.30%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,983,246,248	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2,944,315,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2,983,246,248
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	38,931,248

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	HCM	28,450	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	SSI	28,500	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	VCI	26,500	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	BID	40,900	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
5	TCB	33,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 07/05/2026	Kỳ trước/Last Period(**) 06/05/2026	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	1.00	0.00	1.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	0.00	0.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	18,900,000.00	18,800,000.00	100,000.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	30,180.00	29,790.00	390.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	560,850,294,716.00	550,469,752,613.00	10,380,542,103.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,983,246,248.00	2,928,030,599.00	55,215,649.00
của 1 CCQ/ per Share	29,832.46	29,280.30	552.16
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,961.24	2,930.38	30.86

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 06/05/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 06/05/2026.

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 05/05/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 05/05/2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Tô Thùy Linh

